

Số/No: ..08./2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026
Hanoi, April 15, 2026

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, and its guiding documents, amendments, and supplements;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;

Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, and its guiding documents, amendments and supplements;

- Căn cứ Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS (“**Công ty**”/“**EVS**”);

*Pursuant to the Charter and internal regulations of EVS Securities Joint Stock Company (the “**Company**” or “**EVS**”);*

- Căn cứ Biên bản họp số ..08./2026/BBH-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 15 tháng 04 năm 2026,

Pursuant to Meeting Minutes No. ..08./2026/BBH-HĐQT of the Company's Board of Directors dated April 15, 2026,

QUYẾT NGHỊ:

RESOLVED THAT:

Điều 1. Ban hành “Quy chế Công bố thông tin” của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS kèm theo Nghị quyết này.

Article 1. To promulgate the “Information Disclosure Regulation” of EVS Securities Joint Stock Company together with this Resolution.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐQT ngày 20/07/2021 của Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty.

Article 2. *This Resolution shall take effect as of the signing date and shall replace Resolution No. 26/2021/NQ-HĐQT dated July 20, 2021 of the Board of Directors promulgating the Company's Information Disclosure Regulation.*

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các đơn vị trực thuộc có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Article 3. *The Board of Directors, the Board of Management, and relevant affiliated units shall be responsible for the implementation of this Resolution.*

Nơi nhận/Recipients:

- Như Điều 3/As per Article 3;
- Lưu VP. HĐQT/Archived at the BOD Office.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN**



Nguyễn Hải Châu



**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS
INFORMATION DISCLOSURE REGULATION
OF EVS SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .09/2026/NQ-HĐQT ngày 15/04/2026
của Hội đồng Quản trị Công ty)*

*(Issued together with Resolution No. .09/2026/NQ-HĐQT dated April 15, 2026 of the
Board of Directors of the Company)*

**CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG
CHAPTER I. GENERAL PROVISIONS**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Article 1. Scope and applicability

1. Quy chế này quy định các nguyên tắc, nội dung gửi báo cáo, công bố thông tin và trách nhiệm của các cá nhân, phòng/ban/bộ phận/chi nhánh (sau đây gọi chung là “**các đơn vị trực thuộc**”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS trong việc thực hiện Công bố thông tin, gửi báo cáo liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng và với các cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.
*1. This Regulation provides for the principles of reporting, contents of information disclosure and the responsibilities of individuals, departments/divisions/units/branches (collectively referred to as the “**affiliated units**”) of EVS Securities Joint Stock Company in carrying out information disclosure and submitting reports relating to the Company’s operations on the securities market, via mass media, and to competent authorities in accordance with applicable laws.*
1. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.
2. Applicable entities: This Regulation applies to members of the Board of Directors, the Board of Management, affiliated units of the Company, and individuals involved in information disclosure.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Article 2. Interpretation of terms

1. Trong Quy chế này, trừ khi được quy định khác đi, các từ và các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
1. In this Regulation, unless otherwise provided, the following terms shall be construed as follows:



- a. **Công ty/ EVS:** Là Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS;
- a. **Company/EVS:** means EVS Securities Joint Stock Company;
- b. **Quy chế:** là Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- b. **Regulation:** means the Company's Information Disclosure Regulation;
- c. **HNX, HOSE, VNX:** Tương ứng là Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Các từ ngữ này được sử dụng trong từng thời điểm phù hợp với quy định về quản lý của Nhà nước (sau đây gọi chung là “SGDCK”);
- c. **HNX, HOSE, VNX:** respectively mean the Hanoi Stock Exchange, the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and the Vietnam Stock Exchange. These terms shall be used from time to time in accordance with the applicable regulatory framework (collectively referred to as the “Stock Exchanges”);
- d. **VSDC:** Là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- d. **VSDC:** means the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation;
- e. **UBCKNN:** Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam;
- e. **SSC:** means the State Securities Commission of Vietnam;
- f. **Điều lệ:** Là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS;
- f. **Charter:** means the Charter of EVS Securities Joint Stock Company;
- g. **Ban Tổng Giám đốc:** Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- g. **Board of Management:** means the General Director and the Deputy General Directors of the Company;
- h. **DHĐCĐ:** Là Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS;
- h. **GMS:** means the General Meeting of Shareholders of EVS Securities Joint Stock Company;
- i. **HĐQT:** Là Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS;
- i. **BOD:** means the Board of Directors of EVS Securities Joint Stock Company;
- j. **Người nội bộ:** Là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm, thành viên Ủy ban Kiểm toán; thư ký công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

- j. **Insiders:** means individuals holding key positions in the Company's governance and management structure, including: the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the legal representative, the General Director, the Deputy General Directors, the Chief Financial Officer, the Chief Accountant, and other equivalent managerial positions elected by the General Meeting of Shareholders or appointed by the Board of Directors; members of the Audit Committee; the Company Secretary; the person in charge of corporate governance; and the person authorized to disclose information.
- k. **Người thực hiện công bố thông tin:** Là những cá nhân sau đây của Công ty cổ phần Chứng khoán EVS, tùy từng trường hợp cụ thể theo quy định tại Quy chế này:
- (i) Người đại diện theo pháp luật;
 - (ii) Người được ủy quyền công bố thông tin;
- k. **Persons responsible for information disclosure:** means the following individuals of EVS Securities Joint Stock Company, as applicable in each specific case in accordance with this Regulation:
- (i) The legal representative;
 - (ii) The person authorized to disclose information;
- l. **Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin:** Là các chủ thể sau:
- (i) Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của Người nội bộ;
 - (ii) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (iii) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (iv) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (v) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;
 - (vi) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- l. **Investors subject to information disclosure obligations:** means the following entities:
- (i) Insiders of the Company and their related persons;
 - (ii) major shareholders and groups of related persons holding 5% or more of the Company's outstanding voting shares;
 - (iii) groups of related foreign investors holding 5% or more of the Company's voting shares;

(iv) *shareholders and groups of related persons acquiring shares to reach ownership of 5% or more of the Company's voting shares;*

(v) *organizations and individuals conducting public tender offers for the Company's shares;*

(vi) *Other cases as prescribed by law.*

m. **Người có liên quan:** Là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán trong các trường hợp sau:

(i) Công ty và Người nội bộ của Công ty;

(ii) Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;

(iii) Tổ chức, cá nhân có mối quan hệ trực tiếp, gián tiếp kiểm soát Công ty hoặc bị kiểm soát bởi Công ty hoặc cùng với Công ty chịu chung một sự kiểm soát bởi một tổ chức, cá nhân khác;

(iv) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

(v) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

(vi) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

(vii) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(viii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

m. **Related persons:** *means individuals and organizations having direct or indirect relationships with the Company as prescribed in Clause 46, Article 4 of the Law on Securities, including the following cases:*

(i) *the Company and its Insiders;*

(ii) *the Company and organizations or individuals holding more than 10% of the Company's voting shares or contributed capital;*

(iii) *organizations or individuals that directly or indirectly control the Company, are controlled by the Company, or are under common control with the Company by another organization or individual;*

(iv) *an individual and his/her biological parents, adoptive parents, parents-in-law, spouse, biological children, adopted children, children-in-law, siblings, brothers-*

in-law, and sisters-in-law;

(v) a securities investment fund management company and the securities investment funds or investment companies managed by such fund management company;

(vi) contractual relationships in which one organization or individual acts as a representative of another organization or individual;

(vii) other organizations or individuals deemed related persons in accordance with the Law on Enterprises;

(viii) other cases as prescribed by law.

- n. **Cổ đông lớn:** Là cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- n. **Major shareholder:** means a shareholder holding 5% (five percent) or more of the Company's voting shares.
- o. **Ngày công bố thông tin:** Là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
- o. **Disclosure date:** means the date on which information is published through any of the information disclosure channels prescribed in Article 6 of this Regulation.
- p. **Ngày báo cáo về việc công bố thông tin:** Là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của UBCKNN, SGDK hoặc ngày UBCKNN, SGDK nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.
- p. **Reporting date for information disclosure:** means the date of sending via fax, electronic data transmission via email, the date on which the information is received on the electronic information systems of the SSC or the Stock Exchanges, or the date on which the SSC or the Stock Exchanges receives the written report on information disclosure, whichever occurs first.
- q. **Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết:** Là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
- q. **Outstanding voting shares:** means the number of the Company's issued voting shares minus the number of voting shares repurchased by the Company as treasury shares.
- r. **Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng:** Là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

- r. **Audit firm approved to audit public interest entities:** means an independent auditing firm included in the list of audit firms approved by the SSC to perform audits in accordance with the Law on Securities and the laws on independent audit.
- s. **Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
- (i) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - (ii) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - (iii) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
 - (iv) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - (v) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDCK.
- s. **The date of execution of a securities transaction shall be determined as follows:**
- (i) the order placement date, in the case of transactions executed through the Stock Exchanges;
 - (ii) the date of registration for the exercise of rights to subscribe for shares or to convert bonds into shares, in the case of exercising subscription rights or bond conversion rights;
 - (iii) the date on which the parties request the transfer of ownership of securities, in the case of transactions executed through the VSDC;
 - (iv) the date of submission of the bid participation form, in the case of transactions conducted by auction;
 - (v) the date on which the parties request the transfer at the issuer, in the case of transactions not executed through the VSDC and not executed through the Stock Exchanges.
- t. **Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán** được xác định như sau:
- (i) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - (ii) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - (iii) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - (iv) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;

- (v) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
- (vi) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua SGDC.

t. **Completion date of a securities transaction shall be determined as follows:**

- (i) the date of completion of settlement of the transaction, in the case of transactions executed through the Stock Exchanges;
- (ii) the date of completion of settlement of the transaction, in the case of transactions involving the exercise of subscription rights;
- (iii) the date of completion of the conversion of bonds into shares in accordance with the notification of the issuer;
- (iv) the effective date of the transfer of ownership of securities at the VSDC, in the case of transactions executed through the VSDC;
- (v) the date of completion of payment for share purchase as notified by the organization conducting the share auction, in the case of transactions conducted by auction;
- (vi) the date on which the issuer confirms the effectiveness of the transfer of securities, in the case of transactions not executed through the VSDC and not executed through the Stock Exchanges.

u. **Tài liệu công bố thông tin:** Là tất cả các giấy tờ, văn bản được sử dụng trong việc công bố thông tin theo Quy chế này và quy định của pháp luật;

u. **Disclosure documents:** means all papers and documents used for information disclosure in accordance with this Regulation and applicable laws;

v. **Luật Chứng khoán:** Có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

v. **Law on Securities:** means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019, and its amendments and supplements from time to time.

w. **Luật Doanh nghiệp:** Có nghĩa là Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.

w. **Law on Enterprises:** means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020, and its amendments and supplements from time to time.

2. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc các văn bản pháp luật thay thế văn bản đó.
2. *In this Regulation, any reference to any provision or legal document shall include its amendments, supplements, or any replacement legal documents.*

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

Article 3. Principles of information disclosure

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Giấy tờ pháp lý cá nhân (Căn cước, Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương), địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân tại từng thời điểm.
1. *Information disclosure shall be full, accurate and timely in accordance with applicable laws. The disclosure of personal information, including legal identification documents (identity card, citizen identification card, valid passport, or other legally equivalent documents), contact address, permanent residence address, telephone number, fax number, email address, securities trading account number, securities depository account number, bank account number, and trading code of foreign investors or economic organizations with foreign ownership exceeding 50% of charter capital, shall be carried out in compliance with the laws on personal data protection in force from time to time.*
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
2. *Entities subject to information disclosure obligations shall be legally responsible for the contents of the disclosed information. In case of any change to the disclosed information, such entities shall promptly and fully disclose the revised information and the reasons for such changes compared to the information previously disclosed.*
3. Đối tượng công bố thông tin khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó có 01 bản bao gồm đầy

đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm các thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

3. *When disclosing information, entities subject to information disclosure obligations shall simultaneously report to the SSC and the relevant Stock Exchanges the disclosed information, including all required information as prescribed. Where the disclosed information includes personal information as specified in Clause 1 of this Article, two sets of documents shall be submitted to the SSC and the Stock Exchanges, including one set containing full personal information and one set excluding personal information for public disclosure by the SSC and the Stock Exchanges.*
4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 4 Quy chế này.
4. *The Company's information disclosure shall be carried out by the legal representative or the person authorized to disclose information. Information disclosure by individuals shall be carried out by such individuals themselves or by an organization or individual authorized by them. The information disclosure performed by persons responsible for disclosure shall be specifically prescribed in Article 4 of this Regulation.*
5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định sau:
5. *Entities subject to information disclosure obligations shall be responsible for maintaining and retaining disclosed information and reports in accordance with the following provisions:*
 - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm;
 - a. *Periodic disclosures and information relating to public company registration must be retained in hard copy (if any) and in electronic form for a minimum of 10 years. Such information must be retained and accessible on the Company's website for at least 5 years;*
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.

- b. *Extraordinary disclosures, disclosures upon request, and other activities must be retained and accessible on the Company's website for at least 5 years.*

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

Article 4. Persons responsible for information disclosure

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.
1. *The Company shall fulfill its information disclosure obligations through either the legal representative or a person authorized by the Company to disclose information.*
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện bầu 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin cá nhân.

2. *The legal representative shall be responsible for the completeness, accuracy, and timeliness of the information disclosed by the authorized person for information disclosure. In the event that a disclosure-triggering event arises and all legal representatives and authorized persons for information disclosure are absent, the highest-ranking member of the Board of Management shall be responsible for carrying out information disclosure. In case there is more than one such highest-ranking member, the remaining members of the Board of Management shall appoint one person to be responsible for information disclosure.*

The Company shall notify and update information of the person responsible for information disclosure to the SSC and the Stock Exchanges within 24 hours from the time the change becomes effective. The reported information on the person responsible for information disclosure shall include: the authorization letter for information disclosure and the personal information form.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

Article 5. Rights and responsibilities of persons responsible for information disclosure

Người thực hiện công bố thông tin có các quyền và trách nhiệm sau:

Persons responsible for information disclosure shall have the following rights and responsibilities:

1. Đại diện cho EVS trong việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và tại Quy chế này.
1. To represent EVS in carrying out the Company's information disclosure in accordance with applicable laws and this Regulation.
2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;
2. To request relevant departments and individuals to provide and report data in full and in a timely manner;
3. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra nhân viên tổng hợp thông tin lập báo cáo theo đúng quy định;
3. To directly supervise staff in compiling information and preparing reports in accordance with applicable regulations;
4. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;
4. To propose and make recommendations to the Board of Directors and the General Director on matters relating to information disclosure and the amendment and supplementation of this Regulation;
5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty;
5. To monitor matters that are related to or may affect the Company's information disclosure;
6. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
6. To publicly disclose his/her name and contact telephone number so that shareholders can easily contact him/her;
7. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông về các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
7. To liaise with shareholders, record their opinions, and periodically disclose responses to shareholders' opinions on corporate governance matters in accordance with regulations.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

Article 6. Means of information disclosure

Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

Means of information disclosure include:

1. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty: Công ty sử dụng trang thông tin điện tử <https://www.eves.com.vn/> làm cổng thông tin chính thức để công bố mọi thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của EVS. Trong trường hợp EVS thay đổi địa chỉ website thì phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này, các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

1. *The Company's website: The Company shall use its website at <https://www.eves.com.vn/> as the official portal for disclosing all information relating to the Company's business operations. In the event that the Company changes its website address, the Company shall report to the SSC and the Stock Exchanges and publicly disclose the website address and any changes thereto within 3 working days from the completion of such change.*

The website must include information on the Company's business lines and other information required to be publicly disclosed on the National Business Registration Portal in accordance with the Law on Enterprises, as well as any changes to such registered information. It must also include dedicated sections on shareholder/investor relations, which shall disclose the Company's Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, Regulations on the Organization and Operation of the Board of Directors, the Prospectus (if any), and periodic and extraordinary disclosures as required by the SSC and the Stock Exchanges.

2. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: Hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
2. *The information disclosure system of the State Securities Commission includes: the information disclosure and reporting system, the electronic information portal, and other publications of the SSC;*
3. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK và phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;

3. *Reporting and disclosure channels of the Stock Exchanges, including the information disclosure and reporting system, the Stock Exchanges' websites, and electronic display boards at the Stock Exchanges and other means of information disclosure as prescribed by the Stock Exchanges' regulations;*
4. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin của VSDC: trang thông tin điện tử của VSDC (được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật);
4. *Reporting and disclosure channels of the VSDC, including the VSDC's website (in accordance with applicable laws);*
5. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).
5. *Other mass media as prescribed by law (printed newspapers, electronic newspapers, and other media).*
6. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và/hoặc dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số và thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
6. *Documents and reports submitted to the SSC and the Stock Exchanges shall be in the form of written documents and/or electronic data using digital signatures and shall comply with the guidelines of the SSC and the Stock Exchanges.*
7. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
7. *The website must display the time of information posting and ensure that investors can easily search for and access data on such website.*
8. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
8. *Where an information disclosure obligation arises on a weekend or public holiday as prescribed by law, the Company shall disclose information through the means specified in Clause 1 of this Article and shall fulfill all information disclosure obligations in accordance with applicable laws after the end of such weekend or public holiday.*

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

Article 7. Temporary suspension of information disclosure

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn,...) theo quy định của pháp luật.

Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty về việc tạm hoãn công bố thông tin.

1. *The Company may temporarily suspend information disclosure in the event of force majeure (such as natural disasters, fire, and other similar cases) in accordance with applicable laws.*

The Company shall report to the SSC and the Stock Exchanges on the temporary suspension of information disclosure immediately upon the occurrence of such event, clearly stating the reasons for the suspension, and shall simultaneously disclose such suspension on the Company's website.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.
2. *Immediately after the force majeure event has been remedied, the Company must fully disclose all information that was previously not disclosed in accordance with applicable laws.*

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER II. CONTENTS OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

Article 8. Periodic information disclosure

Các nội dung phải công bố thông tin định kỳ được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

The contents required to be periodically disclosed shall comply with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance, its amendments and supplements from time to time, and other relevant laws and regulations.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

Article 9. Extraordinary information disclosure

Các nội dung phải công bố thông tin bất thường được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

The contents required to be extraordinarily disclosed shall comply with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance, its

amendments and supplements from time to time, and other relevant laws and regulations.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

Article 10. Information disclosure upon request

1. Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK trong các trường hợp sau:
 1. *The Company shall disclose information within 24 hours from the receipt of a request from the SSC or the Stock Exchanges in the following cases:*
 - a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
a. When an event occurs that seriously affects the legitimate interests of investors;
 - b. Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận lại thông tin đó.
b. When there is information relating to the Company that materially affects the price of the Company's securities and requires confirmation.
 2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).
2. The contents of information disclosed upon request must clearly state the event requested by the SSC or the Stock Exchanges to be disclosed, the causes, and the Company's assessment of the accuracy of such information, as well as remedial measures (if any).

Điều 11. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

Article 11. Information disclosure on share ownership of major shareholders

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của EVS, hoặc khi không còn là cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho EVS, UBCKNN và các SGDCK trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
1. Organizations, individuals, and groups of related persons holding 5% or more of the outstanding voting shares of EVS, or upon ceasing to be major shareholders, shall disclose information and report share transactions to EVS, the SSC, and the Stock Exchanges within 05 working days from the date of becoming or ceasing to be major shareholders.
2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của EVS khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu

qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và các SGDK trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

2. *Major shareholders and groups of related persons holding 5% or more of the outstanding voting shares of EVS, when there is an increase or decrease in their ownership ratio crossing each 1% threshold (including cases of giving or receiving as gifts, inheritance, transfer or receipt of rights to subscribe for additional shares, and other similar cases), shall disclose information and report to the Company, the SSC, and the Stock Exchanges within 05 working days from the date of such change.*
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu, hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm.
3. *The timing for the commencement or cessation of holding 5% or more of shares, or the timing of changes in ownership ratios crossing the 1% thresholds as prescribed in Clauses 1 and 2 of this Article, shall be determined from the completion of the securities transaction in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market and its amendments and supplements from time to time.*
4. Quy định tại khoản 1,2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do EVS giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.
4. *The provisions in Clauses 1 and 2 of this Article shall not apply in cases where changes in ownership ratios of outstanding voting shares arise due to EVS's treasury share transactions or additional share issuance.*
5. Công ty sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của EVS trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.
5. *The Company shall disclose on EVS's website within 3 working days from the receipt of reports on changes in share ownership ratios or rights to subscribe for shares from the entities specified in this Article.*

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ và những người có liên quan của Người nội bộ

Article 12. Information disclosure on transactions of Insiders and their related persons

1. Người nội bộ của Công ty và Người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho EVS, UBCKNN, SGDC (Đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của EVS, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDC (Như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu...), cụ thể:
 1. *Insiders of the Company and their related persons shall disclose information and report to EVS, the SSC, and the Stock Exchanges (in respect of listed or registered shares) on their intended transactions in EVS shares and rights to subscribe for shares, including transactions not conducted through the trading system of the Stock Exchanges (such as gifting, receiving gifts, transfers, or receipt of share transfers), as follows:*
 - a. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch;
 - a. *At least 3 working days prior to the proposed transaction date, Insiders and their related persons shall disclose information on the intended transaction;*
 - b. Thời gian thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDC đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có công bố thông tin của SGDC.
 - b. *The transaction period shall not exceed 30 days from the date of registration of the transaction. Insiders and their related persons shall execute transactions in accordance with the registered timeline, volume and value as disclosed by the Stock Exchanges and may only execute the first transaction on the trading day immediately following the date on which the Stock Exchanges disclose such information;*
 - c. Người nội bộ của EVS và những người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền có bảo đảm của EVS trong cùng một đợt đăng ký và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
 - c. *Insiders of EVS and their related persons shall not simultaneously register to buy and sell EVS shares, rights to subscribe for shares, convertible bonds, rights to subscribe for convertible bonds, or covered warrants within the same registration*

period, and may only register and execute subsequent transactions after reporting the completion of the previous transaction period;

- d. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (Trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người nội bộ của EVS và những người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm. Người nội bộ và những người có liên quan của Người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch gián tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- d. *Within 5 working days from the completion of the transaction (in case the transaction is completed before the registered deadline) or from the expiry of the registered transaction period, Insiders of EVS and their related persons shall disclose information on the transaction results and provide an explanation for any failure to execute or partial execution of the registered volume (if any) in accordance with the forms set out in Appendix XV or Appendix XVI issued together with Circular No. 96/2020/TT-BTC and its amendments and supplements from time to time. Insiders and their related persons may only register and execute subsequent transactions after reporting the completion of the previous transaction period.*
2. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người nội bộ của EVS hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
2. *Where, after registering a transaction, the registering party is no longer an Insider of EVS or a related person thereof, such party must still fulfill the reporting and disclosure obligations as prescribed in Clause 1 of this Article.*
3. Trường hợp Người nội bộ của EVS, hoặc những người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.
3. *Where an Insider of EVS or their related persons is concurrently a major shareholder or an investor holding 5% or more, they shall only be required to fulfill the disclosure obligations applicable to Insiders and their related persons.*
4. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội của EVS (công đoàn, đoàn thanh niên...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ

Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của EVS phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1 Điều này.

4. *Where political organizations or socio-political organizations of EVS (such as the trade union, youth union, and other similar cases), or individuals holding other managerial positions as prescribed in the Company's Charter, conduct transactions in EVS securities, they must fulfill information disclosure obligations as applicable to Insiders under Clause 1 of this Article.*
5. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người nội bộ và Người có liên quan của Người nội bộ theo quy định tại Điều này, EVS phải công bố trên website của Công ty.
5. *Within 3 working days from the receipt of reports relating to securities transactions of Insiders and their related persons as prescribed in this Article, EVS must disclose such information on the Company's website.*

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Article 13. Information disclosure on public tender offers

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Organizations and individuals conducting public tender offers, and the target company, shall disclose information in accordance with the Law on Securities and guiding documents.

Điều 14. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Article 14. Information disclosure on treasury share transactions

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

In the case of treasury share transactions, the Company shall disclose information in accordance with the Law on Securities and guiding documents.

Trường hợp EVS mua lại cổ phiếu của chính Công ty, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

In the event that EVS repurchases its own shares, after completing payment for such repurchased shares, if the total asset value recorded in the accounting books decreases by more than 10%, the Company shall notify all creditors and disclose such information within 15 days from the completion of payment for the share repurchase.

Điều 15. Công bố thông tin khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

Article 15. Information disclosure in case of public offering of corporate bonds

EVS phát hành trái phiếu ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

The Company shall disclose information on the public offering of corporate bonds in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance and other relevant laws and regulations.

Điều 16. Công bố thông tin khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

Article 16. Information disclosure upon listing of corporate bonds

Công ty khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính, các văn bản sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

When listing corporate bonds, the Company shall disclose information in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance, its amendments and supplements from time to time, and other relevant laws and regulations.

Điều 17. Công bố thông tin trong các trường hợp khác

Article 17. Information disclosure in other cases

1. Công ty phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của Công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, Công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ.

1. *The Company shall disclose at its head office, branches, and transaction offices, and publish on its website, information relating to trading methods, order placement, margin trading, settlement time, transaction fees, services provided, and the list of securities practitioners of the Company. Where margin trading services are provided, the Company shall disclose the conditions for such services, including margin requirements, lending interest rates, loan terms, margin call procedures, and the list of securities eligible for margin trading.*

2. Khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ, Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty. Sau khi giao dịch được thực hiện, Công ty phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.
2. *When executing forced sale orders of margin securities or disposing of pledged securities of customers who are Insiders or related persons of Insiders, the Company shall disclose such information on its website. After the transaction is executed, the Company shall notify the customer of the transaction results no later than the end of the trading day so that the customer can fulfill their information disclosure obligations in accordance with regulations.*
3. Trường hợp Công ty phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.
3. *Where the Company issues covered warrants, it shall fulfill information disclosure obligations in accordance with laws governing the offering and trading of covered warrants.*

Trong những trường hợp cần thiết, nhằm mục đích mang tính minh bạch về thông tin của EVS trên thị trường, Công ty có thể thực hiện công bố một số thông tin cần thiết ngoài những thông tin bắt buộc theo Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc công bố thông tin tự nguyện do Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc phê duyệt.

In necessary cases, for the purpose of ensuring market transparency, the Company may disclose certain necessary information in addition to the mandatory disclosures under this Regulation and relevant laws. Voluntary disclosures must be approved by the Chairman of the Board of Directors or the General Director.

Ngoài việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Quy chế này, Người có trách nhiệm trả lời phỏng vấn các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức cung cấp thông tin khác liên quan đến hoạt động của EVS là Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc của EVS. Những trường hợp khác thì phải được sự chấp thuận hoặc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc EVS.

In addition to disclosures required by law and this Regulation, the persons authorized to respond to media interviews and other forms of information disclosure relating to EVS's operations are the Chairman of the Board of Directors, the General Director, and the Deputy General Directors of EVS. Other

cases must be approved or authorized by the Chairman of the Board of Directors or the General Director of EVS.

CHƯƠNG III. CÔNG TÁC PHỐI HỢP GIỮA ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CHAPTER III. COORDINATION AMONG AFFILIATED UNITS IN THE IMPLEMENTATION OF INFORMATION DISCLOSURE

Điều 18. Phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc có liên quan trong việc thực hiện công bố thông tin

Article 18. Coordination among relevant affiliated units in the implementation of information disclosure

1. Các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm phối hợp với nhau để đảm bảo việc công bố thông tin của Công ty được kịp thời, chính xác, đầy đủ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về công bố thông tin.
1. *Affiliated units of the Company shall be responsible for coordinating with one another to ensure that the Company's information disclosure is timely, accurate, complete, and in compliance with applicable laws on information disclosure.*
2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm lựa chọn bộ phận hỗ trợ Người thực hiện công bố thông tin. Đơn vị đầu mối có trách nhiệm tập hợp tất cả các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin và trình Người thực hiện công bố thông tin Công ty xem xét, phê duyệt.
2. *The General Director shall be responsible for designating a unit to support the persons responsible for information disclosure. The designated unit shall be responsible for consolidating all disclosure information from relevant departments, reviewing the contents, ensuring compliance with information disclosure regulations, drafting disclosure documents, and submitting them to the persons responsible for information disclosure for review and approval.*
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy trình công bố thông tin và phân công cho các phòng/ban/đơn vị chuẩn bị các tài liệu có liên quan đến nội dung công bố. Các phòng/bộ phận chuẩn bị tài liệu chịu trách nhiệm trước Công ty về thời gian, tính chính xác của tài liệu, nội dung cung cấp.
3. *The General Director shall be responsible for establishing information disclosure procedures and assigning departments/divisions/units to prepare documents relating to disclosure contents. Such departments/divisions/units shall be responsible before the Company for the timeliness and accuracy of the documents and information provided.*

4. Hội đồng Quản trị giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc tổ chức triển khai toàn bộ các công việc có liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này, các văn bản pháp luật có liên quan và yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm nhưng không giới hạn ở việc lập, gửi báo cáo, cung cấp thông tin tài liệu, công bố thông tin trên hệ thống của SGDCK, UBCKNN, VSDC...; quản lý trang thiết bị, phương tiện công bố thông tin, giải trình, làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.
4. *The Board of Directors shall assign or authorize the General Director to organize and implement all tasks relating to the Company's reporting and information disclosure obligations in accordance with this Regulation, relevant laws, and the requirements of competent authorities, including but not limited to the preparation and submission of reports, provision of information and documents, disclosure of information on the systems of the Stock Exchanges, the SSC, the VSDC...; managing equipment and means for information disclosure, and providing explanations to and liaising with competent authorities regarding the Company's information disclosure obligations.*

Điều 19. Điều khoản thi hành

Article 19. Implementation Provisions

1. Các cá nhân/bộ phận chuyên môn liên quan đến công bố thông tin theo Quy chế này được xác định theo quy định của Công ty về cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ quyền hạn của các phòng/ban/bộ phận chuyên môn. Cá nhân/bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm về công bố thông tin theo Quy chế này, quy định khác của Công ty.
1. *Individuals/departments involved in information disclosure under this Regulation shall be determined in accordance with the Company's regulations on organizational structure and the functions, duties, and powers of departments/divisions/units. Such individuals/departments shall be responsible for information disclosure in accordance with this Regulation and other regulations of the Company.*
2. Bộ phận công bố thông tin là cá nhân/bộ phận được Công ty phân công thực hiện một phần trong việc công bố thông tin. Bộ phận công bố thông tin chịu trách nhiệm về công bố thông tin theo Quy chế này, quy định khác của Công ty.
2. *The information disclosure unit refers to the individual/department assigned by the Company to carry out part of the information disclosure activities. The information disclosure unit shall be responsible for information disclosure in accordance with this Regulation and other regulations of the Company.*
3. Người thực hiện công bố thông tin chịu trách nhiệm về công bố thông tin theo Quy chế này và các quy định khác của Công ty.

3. *The persons responsible for information disclosure shall be responsible for information disclosure in accordance with this Regulation and other regulations of the Company.*
4. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/04/2026. Những vấn đề/nội dung về công bố thông tin chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được thực hiện theo Điều lệ, các quy định khác của Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.
4. *This Regulation shall take effect from April 15, 2026. Any matters relating to information disclosure not provided for in this Regulation shall be implemented in accordance with the Charter of the Company, other internal regulations of the Company, and the relevant provisions of law.*

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN



Nguyễn Hải Châu

